

ĐỔI MỚI HỆ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

DƯƠNG PHÚ HIỆP *

Tóm tắt: Bài viết phân tích các quan điểm mới trong hệ tư tưởng chính trị của Đảng và Nhà nước Việt Nam giai đoạn từ năm 1986 đến nay. Đó là những quan điểm mới về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, về đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, về vấn đề đại đoàn kết dân tộc, về vấn đề quan hệ giữa các quốc gia, về hệ thống chính trị, về việc thực hiện dân chủ. Theo tác giả, những quan điểm mới đó đã làm cho bộ mặt chính trị nước ta thay đổi theo hướng ngày càng tiến bộ hơn, đã tác động tích cực đến đời sống kinh tế, xã hội, văn hóa của đất nước.

Từ khóa: Đổi mới, hệ tư tưởng chính trị, Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hệ tư tưởng chính trị là hệ thống quan điểm về chính trị bao gồm: các quan điểm về giai cấp và quan hệ giai cấp (đấu tranh giai cấp và liên minh giai cấp), về dân tộc và quan hệ dân tộc, về quốc gia và quan hệ quốc gia, về hệ thống chính trị và quan hệ giữa các bộ phận của hệ thống đó; về các hoạt động chính trị, v.v.. Hệ tư tưởng chính trị đóng vai trò chỉ đạo các hoạt động chính trị và các quan hệ chính trị của cá nhân và cả cộng đồng. Trong thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước đã có nhiều đổi mới hệ tư tưởng chính trị. Lý do trước hết cần phải đổi mới hệ tư tưởng chính trị là sự thay đổi của tình hình trong nước và trên thế giới; hệ tư tưởng được hình thành trước đây cần phải thay đổi cho phù hợp với xu thế chính trị quốc tế hiện nay. Lý do thứ hai là quan điểm chính

trị hình thành trước đây có những hạn chế nhất định (như chủ quan duy ý chí, nóng vội, giáo điều, bảo thủ trì trệ...). Hệ tư tưởng chính trị giai đoạn từ năm 1986 đến nay có nhiều quan điểm mới so với giai đoạn trước, trong đó có những quan điểm sau.

Thứ nhất, quan điểm mới về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Ngay khi mới ra đời và trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng, Đảng ta đã lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Vào những năm cuối thế kỷ XX, mặc dù hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa không còn, phong trào xã hội chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng, thoái trào,

(*) Giáo sư, tiến sĩ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

song Đảng ta vẫn quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa. Tại Đại hội Đảng lần thứ XI (tháng 01 năm 2011) trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng ta một lần nữa khẳng định: "Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử". Tuy nhiên, về vấn đề "chủ nghĩa xã hội là gì và đi lên chủ nghĩa xã hội bằng cách nào?", quan điểm của Đảng ta có sự đổi mới. Cụ thể, Đảng ta đã nhận thức đúng đắn hơn về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội; đã khắc phục một số quan niệm đơn giản trước đây (như đồng nhất mục tiêu cuối cùng của chủ nghĩa xã hội với nhiệm vụ của giai đoạn trước mắt; nhấn mạnh một chiều quan hệ sản xuất, chế độ phân phối bình quân, không thấy đầy đủ yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất trong thời kỳ quá độ; đồng nhất kinh tế thị trường với chủ nghĩa tư bản; đồng nhất nhà nước pháp quyền với nhà nước tư sản). Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã khẳng định: "*Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ*

sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới"⁽¹⁾. Cùng với quan điểm mới về chủ nghĩa xã hội như vậy, quan điểm về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội cũng được đổi mới. Con đường để đi tới mục tiêu chủ nghĩa xã hội được Đảng ta xác định là: đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức; phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất; xây dựng Nhà nước pháp

⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 70.

quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Trong các quan điểm mới về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội thì quan điểm phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ ra, là một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là một kiểu kinh tế thị trường mới trong lịch sử phát triển của kinh tế thị trường. Nó là một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường vừa dựa trên các nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội. Đây không phải là nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và cũng chưa phải là kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển; kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế; kinh tế hỗn hợp, đa sở hữu ngày càng phát triển; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng

trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Quan hệ phân phối bảo đảm công bằng và tạo động lực cho phát triển. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và lực lượng vật chất để định hướng, điều tiết, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ hai, quan điểm mới về đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa

Trước đây, đấu tranh giai cấp và đấu tranh giữa hai con đường để giải quyết vấn đề “ai thay ai” giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản đã được cường điệu và được coi là động lực thúc đẩy sự phát triển xã hội. Theo quan điểm ấy, nhiều cuộc đấu tranh giai cấp đã diễn ra liên tục, nhiều khi gay go ác liệt, gây nên bao khó khăn, trở ngại cho sự phát triển đất nước. Đại hội IX của Đảng (năm 2001) đã đưa ra định hướng chính trị đúng đắn: “Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân”. Đây là kết quả tổng kết nhiều giai đoạn phát triển của đất nước, là sự cụ thể hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân trong giai đoạn phát triển mới.

Hiện nay, trong các văn kiện chính thức, Đảng và Nhà nước ta không coi đấu tranh giai cấp là động lực của sự phát triển, không còn dùng cụm từ “đấu

tranh giữa hai con đường để giải quyết vấn đề “ai thắng ai” giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản ở nước ta”. Đó là một quan điểm mới về vấn đề đấu tranh giai cấp ở nước ta trong những năm vừa qua. Tất nhiên, để đạt được kết quả đó, nước ta đã trải qua không ít thăng trầm với những diễn biến phức tạp và cái giá phải trả khá đắt.

Thứ ba, quan điểm mới về vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc

Trong những năm khủng hoảng kinh tế - xã hội, do sai lầm trong những chủ trương lớn và sự chỉ đạo chiến lược; do những khuyết điểm trong công tác tư tưởng và công tác tổ chức, cán bộ; do sự thoái hóa biến chất của một số cán bộ, đảng viên, cho nên khối đại đoàn kết toàn dân tộc đã bị ảnh hưởng nặng nề. Nhiều nhóm dân cư đã từng nhiệt tình, hăng hái góp công, góp của theo tiếng gọi cứu nước, từng đồng hành cùng dân tộc trong cuộc đấu tranh giải phóng, thì khi bước vào thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa, họ lại trở thành những thành phần “phi xã hội chủ nghĩa”, trở thành đối tượng cần phải cải tạo. Đó là các nhà công thương, tiểu thương, tiểu chủ, những người lao động cá thể... Sự đồng nhất một cách máy móc giữa yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội đã dẫn đến sự kỳ thị và phân biệt đối xử trong xã hội.

Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống hòa hiếu, nhân nghĩa, bao dung, bác ái, song nhiều việc làm thái quá đã làm tổn thương truyền thống tốt đẹp ấy, đã gây nên những xáo trộn và tâm lý

mặc cảm, tự ti, dè chừng, thiếu sự tin cậy lẫn nhau trong đời sống cộng đồng dân tộc. Lòng tin vào Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa của một bộ phận nhân dân chưa vững chắc, phần vì đời sống của họ còn nhiều khó khăn, phần vì họ bất bình trước những bất công xã hội và tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí còn khá phổ biến và nghiêm trọng. Việc tập hợp Nhân dân vào mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, các tổ chức xã hội còn nhiều hạn chế. Trước đây, chủ trương của Đảng chỉ thực hiện liên minh công nông, chưa chú ý coi trọng tầng lớp trí thức. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc chưa thật bền chặt và đứng trước những thách thức mới.

Nguyên nhân chủ yếu là do Đảng và Nhà nước chưa phân tích và dự báo đầy đủ những biến đổi trong cơ cấu giai cấp - xã hội và những mâu thuẫn mới nảy sinh trong nhân dân. Trong một thời gian dài, Đảng và Nhà nước chưa có chủ trương khắc phục những mâu thuẫn ấy một cách đúng đắn, kịp thời. Một số chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước chưa thể hiện đầy đủ quan điểm đại đoàn kết toàn dân tộc, có những chính sách khi thực hiện đã gây thiệt hại cho khối đại đoàn kết. Chính sách thực dân “chia để trị” cũng để lại hậu quả tiêu cực đến tận ngày nay. Thêm vào đó, các thế lực thù địch ra sức phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc thông qua các chiêu bài dân chủ, tự do, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo.

Trong quá trình đổi mới, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về dân tộc và đại đoàn kết toàn dân tộc cũng đổi mới. Điều đó thể hiện ở chỗ Đảng và Nhà nước chủ trương xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần giai cấp, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai, cùng phấn đấu cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đồng thời, Đảng và Nhà nước coi đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức là nguồn gốc sức mạnh, là động lực chủ yếu và là nhân tố của ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong quá trình đổi mới quan điểm về đại đoàn kết toàn dân tộc, Đảng và Nhà nước đã có những chủ trương, chính sách đáng chú ý: coi trọng vai trò của các doanh nhân trong phát triển kinh tế; coi kinh tế tư nhân là một trong những động lực của sự phát triển kinh tế; đặt việc giải quyết vấn đề tôn giáo trong vấn đề dân tộc và trong vấn đề văn hóa; coi tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân; khắc phục mọi thái độ hẹp hòi, thành kiến, phân biệt đối xử với đồng bào có đạo; chống những hành vi vi phạm tự do tín ngưỡng; động viên và tạo điều kiện cho người Việt Nam ở nước ngoài hướng về quê hương xây dựng đất nước; khuyến khích đồng bào đầu tư về trong nước; thu hút, phát huy sự đóng góp của trí thức Việt kiều.

Quan điểm mới của Đảng và Nhà nước về đại đoàn kết toàn dân tộc đang là tư tưởng chỉ đạo quan trọng không chỉ cho nhân dân trong nước mà cả cộng đồng kiều bào ở nước ngoài, đang tạo nên động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển của đất nước.

Thứ tư, quan điểm mới về vấn đề quan hệ giữa các quốc gia

Trước đây, quan hệ của nước ta chủ yếu là quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, còn quan hệ với các nước không xã hội chủ nghĩa có nhiều mặt hạn chế. Tư duy lúc đó còn nặng về ý thức hệ, lấy tiêu chí cách mạng của mình để đánh giá các quốc gia khác, phân định rạch ròi các quốc gia thành cách mạng và phản cách mạng, xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, bạn và thù. Có lúc chúng ta nhìn thế giới như một vũ đài đấu tranh quyết liệt, một mặt một còn, phê phán quyết liệt tư tưởng chung sống hòa bình. Nhận thức về chủ nghĩa tư bản chỉ mới thấy “chế độ tư bản đang trong cơn hấp hối” (Đại hội IV) vì nó đang “lâm vào một cuộc khủng hoảng trầm trọng chưa từng có” (Đại hội V). Nhận thức về chủ nghĩa xã hội thì quá lạc hậu vì cho rằng: “Sức mạnh của chủ nghĩa xã hội là vô địch và hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới ngày càng phát huy tác dụng là nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người” (Đại hội IV); “Các nước xã hội chủ nghĩa đang thể hiện tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội. Liên Xô đang tiến mạnh vào giai đoạn xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản; nhiều

nước đang đẩy mạnh quá trình hoàn thành xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển. Hệ thống xã hội chủ nghĩa đã tạo ra sức mạnh tổng hợp vượt hơn các thế lực đế quốc và phản động” (Đại hội V). Nhận thức đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc hoạch định đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước, bỏ lỡ thời cơ hòa nhập vào cộng đồng quốc tế, gây ra nhiều khó khăn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong quá trình đổi mới, Đảng và Nhà nước đã có nhiều thay đổi trong quan điểm về quan hệ giữa các quốc gia. Đáng chú ý là nghị quyết 13 của Bộ chính trị (tháng 5 năm 1988) đã tạo ra một bước ngoặt trong đổi mới tư duy và các vấn đề quốc tế và đối ngoại. Điều đó thể hiện ở những luận điểm quan trọng sau đây: lợi ích cao nhất của Việt Nam là phải củng cố và giữ vững hòa bình để tập trung sức phát triển kinh tế; chủ động chuyển cuộc đấu tranh từ trạng thái đối đầu hiện nay sang đấu tranh và hợp tác cùng tồn tại hòa bình, thi hành chính sách “thêm bạn bớt thù” và đa dạng hóa quan hệ trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, cùng có lợi. Có thể coi đây là bước điều chỉnh lần thứ nhất về tư duy đối ngoại của Đảng và Nhà nước, từ đó mở ra những định hướng đối ngoại mới trong các giai đoạn tiếp theo.

Bước điều chỉnh lần thứ hai thể hiện trong các văn kiện của Đại hội VII của Đảng (tháng 6 năm 1991) với tuyên bố long trọng: Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới,

phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển, thực hiện chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị, xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình.

Các Đại hội và Hội nghị Trung ương sau đó tiếp tục bổ sung những luận điểm mới góp phần phát triển và hoàn chỉnh đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Đại hội IX của Đảng (năm 2001) tuyên bố: Việt Nam sẵn sàng là bạn và đối tác tin cậy của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển, mở rộng quan hệ quốc tế. Đại hội X của Đảng (năm 2006) tuyên bố: Việt Nam chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác; Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực. Đại hội XI chủ trương triển khai đồng bộ, toàn diện hoạt động đối ngoại và tích cực hội nhập quốc tế.

Những luận điểm trên đây đã chứng minh sự định hướng đúng đắn phù hợp với xu thế của thời đại là hòa bình, hợp tác và phát triển. Sự đổi mới đường lối, chủ trương, chính sách đối ngoại đã đưa lại những kết quả to lớn trong lĩnh vực đối ngoại. Từ chỗ chỉ chú trọng chủ nghĩa quốc tế vô sản, Đảng và Nhà nước đã chủ trương tích cực và chủ động hội nhập quốc tế; từ chỗ quan hệ chủ yếu với các nước xã hội chủ nghĩa, nước ta

đã làm bạn với tất cả nước trong cộng đồng thế giới không phân biệt chế độ chính trị, xã hội khác nhau; từ chỗ chỉ tham gia vào Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV), Việt Nam đã tham gia nhiều tổ chức quốc tế trên thế giới và có quan hệ ngoại giao với hơn 170 quốc gia; từ chỗ hội nhập quốc tế chủ yếu về kinh tế, Việt Nam đã hội nhập vào cả các lĩnh vực khác như chính trị, xã hội, văn hóa, v.v.. Chính nhờ có định hướng chính trị đúng đắn trong vấn đề quan hệ quốc tế mà Việt Nam đã thu được những kết quả to lớn: tạo ra được môi trường hòa bình, hữu nghị để xây dựng đất nước, tranh thủ được vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường quốc tế và nắm bắt được những công nghệ hiện đại và quản lý tiên tiến để phát triển đất nước, uy tín của Việt Nam ngày càng tăng trên trường quốc tế.

Thứ năm, quan điểm mới về hệ thống chính trị

Trước đây, trong các văn kiện của Đảng thường sử dụng cụm từ “hệ thống chuyên chính vô sản”. Lần đầu tiên ở nước ta, cụm từ “hệ thống chính trị” được sử dụng trong Nghị quyết Trung ương 6 khóa VI (năm 1998) và từ đó hầu như không còn sử dụng cụm từ “hệ thống chuyên chính vô sản”. Vấn đề ở đây không phải đơn giản thay đổi từ ngữ, mà còn hàm chứa sự thay đổi nội dung của các cụm từ ấy. Điều đó thể hiện quan điểm mới về hệ thống chính trị; dẫn đến việc đổi mới quan điểm về vai trò, chức năng, quan hệ và hoạt động

của cả hệ thống chính trị nói chung và của từng bộ phận trong hệ thống đó.

Với tư cách là hạt nhân của hệ thống chính trị, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tự đổi mới mình. Nếu quan niệm cũ coi Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam thì quan niệm mới coi Đảng không chỉ là đội tiên phong của giai cấp công nhân mà còn là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam. Nếu Điều lệ cũ coi một trong những tiêu chuẩn đảng viên phải là những công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, gương mẫu trong lao động, không bóc lột đều có thể kết nạp vào Đảng, thì Điều lệ mới đã bỏ chữ “không bóc lột” và thừa nhận đảng viên được làm kinh tế tư nhân (thậm chí Đảng đang thực hiện thí điểm kết nạp những người là chủ doanh nghiệp tư nhân đủ tiêu chuẩn vào Đảng). Đó là những quan điểm rất mới. Nhưng để đi đến những quan điểm mới đó, Đảng ta đã trải qua hàng chục năm trăm trở, tranh luận.

Quan điểm của Đảng về Nhà nước cũng có đổi mới: từ chỗ Nhà nước ta được coi là nhà nước của một giai cấp nhất định đến chỗ Nhà nước ta được coi là nhà nước của dân, do dân, vì dân; từ tên gọi nhà nước chuyên chính vô sản đổi thành nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; từ chỗ chủ trương nhà nước can thiệp sâu vào quản lý kinh tế của các doanh nghiệp chuyển sang chủ trương nhà nước chỉ quản lý vĩ mô; Nhà nước từ chỗ quản lý đất nước theo các Nghị quyết, chỉ thị của Đảng chuyển sang quản lý theo pháp luật, coi hiến

pháp và pháp luật là tối thượng; từ cách quản lý theo mệnh lệnh hành chính, quan liêu chuyển sang cách quản lý dân chủ; v.v.. Đó là quan điểm tiến bộ phù hợp với xu thế chung của thời đại.

Đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân thể hiện ở chỗ khắc phục dần dần tình trạng hành chính hóa, phô trương, hình thức chuyển sang làm công tác dân vận theo phương châm gần dân và có trách nhiệm với dân. Đặc biệt là, Đại hội X của Đảng chủ trương Nhà nước ban hành cơ chế để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội. Nhờ có những đổi mới nói trên, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân đang đóng vai trò quan trọng trong đại đoàn kết toàn dân tộc, hưởng ứng và thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Thứ sáu, quan điểm mới về việc thực hiện dân chủ

Trong các di sản tư tưởng Hồ Chí Minh để lại, tư tưởng về dân chủ rất đáng chú ý và đóng vai trò định hướng để thực hiện dân chủ ở nước ta. Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, “Dân là gốc”, “Dân là chủ”, “Dân làm chủ”, “Nước ta là nước dân chủ”, “thực hiện dân chủ là “viên đá thử vàng” đối với một chính đảng cách mạng”. Khẳng định dân là chủ, Hồ Chí Minh đã xác định vị thế, tư cách chủ thể xã hội của nhân dân và khẳng định phải làm cho

nhân dân được hưởng quyền làm chủ xã hội trên thực tế. Từ “dân là chủ” tiến lên thành “dân làm chủ” là một bước tiến về chất, một quá trình phấn đấu vượt qua rất nhiều khó khăn, trở ngại. Phải làm sao để người dân có điều kiện và biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình đúng lúc, đúng chỗ, dám nói, dám làm. Để thực hiện quyền dân chủ, nhân dân không những phải có quyền, mà điều quan trọng là nhân dân phải có năng lực làm chủ. Người dân muốn làm chủ, thì họ chẳng những cần phải biết hưởng quyền làm chủ, mà còn cần phải biết dùng quyền làm chủ, dám nói, dám làm. Đảng phải tạo ra cơ chế thích hợp để người dân có được các yếu tố cơ bản để làm chủ, đó là: trình độ hiểu biết về dân chủ, phương pháp thực hành dân chủ và bản lĩnh thực hành dân chủ... Có như vậy, nhân dân mới có quyền dân chủ thực sự, tránh tình trạng dân chủ hình thức, dân chủ chung chung. Đó chính là thước đo, là tiêu chí đánh giá mức độ dân chủ mà người dân có được.

Để các hành vi gây tác hại đến quyền dân chủ của nhân dân được xử lý kịp thời, đúng đắn, theo Hồ Chí Minh, các quyền đó phải được thể chế hóa thành hiến pháp, thành pháp luật và được thực hiện bằng những thiết chế tương ứng của nhà nước. Ở đây, dân chủ và pháp luật, dân chủ và kỷ cương không bài trừ và phủ định nhau; trái lại, chúng nằm trong sự thống nhất biện chứng, là điều kiện, tiền đề tồn tại và phát triển của nhau. Không thể có dân chủ mà lại thiếu

pháp luật, kỷ luật, kỷ cương.

Đại hội VI của Đảng là một bước ngoặt lịch sử trong việc nhấn mạnh phát huy dân chủ. Bài học “lấy dân làm gốc” là sự thể hiện sự kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh. Các Đại hội tiếp theo của Đảng tiếp tục bổ sung và đưa ra cơ chế cụ thể để thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” đối với các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước: thực hiện các cơ chế làm chủ của nhân dân thông qua các cơ quan dân cử và các đoàn thể; làm chủ trực tiếp bằng các hình thức nhân dân tự quản, bằng các quy ước, hương ước tại cơ sở phù hợp với pháp luật nhà nước; Đảng và Nhà nước tiếp tục đổi mới phong cách đảm bảo dân chủ trong quá trình chuẩn bị ra Nghị quyết và thi hành Nghị quyết; Đảng và Nhà nước cũng bàn bạc và tham khảo ý kiến của Mặt trận về những quyết định và chủ trương lớn.

Thực hiện dân chủ là thừa nhận quyền tự do, bình đẳng của công dân, thừa nhận nhân dân là chủ thể của quyền lực. Nội dung đó của dân chủ đạt được ở mức độ nào là tùy thuộc vào trình độ phát triển kinh tế - xã hội và tính chất của thể chế chính trị tương ứng, vào nội dung của pháp luật. Những yêu cầu dân chủ của nhân dân được thể chế hóa thành các chuẩn mực pháp luật, thành nguyên tắc tổ chức và vận hành của Nhà nước và các thiết chế chính trị khác.

Qua 28 năm đổi mới, quan điểm về dân chủ của Đảng và Nhà nước đã có những bước tiến căn bản trong làm chủ

về chính trị, về kinh tế và về văn hóa – xã hội. Trên lĩnh vực pháp luật, Nhà nước đã thể chế hóa đường lối của Đảng thành hiến pháp và pháp luật; bỏ bớt những quy định pháp luật lỗi thời; sửa đổi và ban hành nhiều văn bản pháp luật quan trọng liên quan đến tổ chức và hoạt động của các cơ quan quyền lực nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các thành phần kinh tế; cụ thể hóa và thể chế hóa nhiều quyền công dân và quyền con người; tiến hành đổi mới nền hành chính quốc gia trên cả bốn phương diện là thể chế hành chính, bộ máy làm công tác hành chính, cán bộ của bộ máy hành chính, tài chính công; từng bước hoàn thiện các hình thức thực hiện dân chủ; đặc biệt đã xây dựng và hoàn thiện quy chế dân chủ ở cơ sở; chú ý nhiều hơn đến dân chủ trong Đảng...

Trên đây là những quan điểm của Đảng và Nhà nước ta thời kỳ đổi mới về đấu tranh giai cấp, về đại đoàn kết toàn dân tộc, về quan hệ giữa các quốc gia, về hệ thống chính trị, về dân chủ. Đây là những quan điểm mới cơ bản trong hệ tư tưởng chính trị. Ngoài những quan điểm mới, trong hệ tư tưởng chính trị của Đảng và Nhà nước ta thời kỳ đổi mới còn có nhiều quan điểm mới khác. Nhờ có những quan điểm mới trong hệ tư tưởng chính trị cho nên bộ mặt chính trị nước ta đã thay đổi theo hướng ngày càng tiến bộ hơn; điều đó đã tác động tích cực đến đời sống kinh tế, xã hội, văn hóa của đất nước; góp phần quan trọng vào sự phát triển của đất nước.

Lĩnh vực hệ tư tưởng chính trị là lĩnh vực phức tạp, tế nhị, không thể dễ dàng thay đổi theo sự thay đổi của thực tế khách quan. Trong hệ tư tưởng chính trị, mặc dù Đảng và Nhà nước đã có sự đổi mới nhưng nhiều người vẫn còn tư tưởng giáo điều, bảo thủ và biệt phái; chưa nhận thức đầy đủ sự thay đổi lớn lao của tình hình chính trị trong nước và thế giới; chưa dám mạnh dạn tiếp thu có chọn lọc những tư tưởng chính trị tiên bộ của nhân loại và kinh nghiệm của các nước trên thế giới để vận dụng sáng tạo ở Việt Nam. Nhiều quan điểm chính trị mới của Đảng chưa được thể chế hóa thành pháp luật, thành quy chế cụ thể và tổ chức thực hiện. Ví dụ, về vấn đề dân chủ Đại hội IX của Đảng chủ trương thực hiện quy chế dân chủ trong nghiên cứu và sáng tạo khoa học; Đại hội X chủ trương bảo đảm tự do, dân chủ cho mọi hoạt động sáng tạo văn hóa, văn học, nghệ thuật, Nhà nước ban hành cơ chế để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội. Nhưng thời gian cứ trôi đi năm này qua năm khác, cho đến nay những chủ trương đúng đắn mà bao người mong đợi đó vẫn chỉ nằm trên giấy, vẫn dừng lại ở các văn bản nghị quyết. Bên cạnh đó, nhiều vấn đề lý luận chính trị quan trọng vẫn chưa được các nhà lý luận làm rõ. Chẳng hạn như: Chức năng lãnh đạo của Đảng khác chức năng quản lý của Nhà nước như thế nào? Cơ chế nhân dân làm chủ là thế nào? Nếu dân có quyền làm chủ thì dân có quyền quyết định tối hậu không?

Muốn xã hội vững mạnh và phát triển thì có nhất thiết phải xây dựng ba trụ cột là kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền và xã hội dân sự không? Tại sao Đảng ta chỉ chủ trương xây dựng hai trụ cột là kinh tế thị trường và nhà nước pháp quyền, còn chưa có chủ trương xây dựng xã hội dân sự? Như vậy, trong hệ tư tưởng chính trị còn nhiều vấn đề cần được làm rõ hơn.

Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Chí Bảo (2006), “Một số lý luận về định hướng xã hội chủ nghĩa và đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 5.
2. Nguyễn Đức Bình, Trần Ngọc Hiên, Đoàn Trọng Truyền (đồng chủ biên) (1999), *Đổi mới và tăng cường hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Vũ Hoàng Công (2002), *Hệ thống chính trị cơ sở đặc điểm, xu hướng và giải pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Nguyễn Ngọc Hà (2010), “Về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước trong hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Triết học*, số 2.
5. Nguyễn Văn Huyền (chủ biên) (2011), *Đảng Cộng sản cầm quyền: nội dung và phương thức cầm quyền của Đảng*, Nxb Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
6. Nguyễn Ngọc Long (2009), “Một số vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội Việt Nam”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 2.
7. Dương Xuân Ngọc (chủ biên) (2012), *Quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

